TÒA ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HS - ST
Ngày: 20/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - TỈNH THANH HOÁ

- TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Tuyết

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tâm và bà Nguyễn Thị Tường Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hương Trà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:* Ông Đỗ Văn Chung và ông Nguyễn Hữu Minh - Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2024/TLST - HS ngày 22 tháng 4 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST- HS ngày 10/5/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị N, sinh ngày 22/9/1974, tại thị trấn V L, huyện VL, tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở hiện nay: Khu 3, thị trấn V L, huyện VL, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1948 và con bà Nguyễn Thị Gi, sinh năm 1953. Chồng: Nguyễn Hải H2, sinh năm 1971; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con đầu; Bị cáo có ba người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2006. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

+ Luật sư Phan Thị T, sinh năm 1972

+ Luật sư Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1983.

Thuộc Văn phòng Luật sư Hoàn Kiếm – Đoàn Luật sư H1 Nội. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Hải H2, sinh năm 1971

Địa chỉ: Khu 3, thị trấn VL, huyện V L, tỉnh Thanh Hóa.

+ Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1974

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn V L, huyện V L, tỉnh Thanh Hóa.

+ Chị Trần Thị H1, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu Phố G, thị trấn V L, huyện V L, tỉnh Thanh Hóa.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Lộc đã nhận được công văn số 01/2023/CV-TA ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa về việc đề nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Lộc xác minh, làm rõ H1nh vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của vợ chồng Nguyễn Thị N (sinh năm 1974) và ông Nguyễn Hải H2 (sinh năm 1971) cùng trú tại khu 3, thị trấn V L, huyện V L đối với bà Trịnh Thị H (sinh năm 1974, trú tại khu 2, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc) Gửi kèm theo công văn số 01/2023/CV-TA là 01 USB; 05 tờ giấy, 01 đơn đề nghị do bà Trịnh Thị H giao nộp cho Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc.

Sau khi nhận được công văn số: 01/2023/CV-TA của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, Cơ quan CSĐT đã tiến H1nh triệu tập làm việc với Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hải H2, bà Trịnh Thị H. Ông Nguyễn Hải H2 chủ động giao nộp các tài liệu gồm 01 (một) giấy hẹn nợ (bản photocopy) và 01 giấy vay tiền (bản photocopy).

Căn cứ vào các tài liệu do bà Trịnh Thị H và ông Nguyễn Hải H2 giao nộp, Cơ quan CSĐT đã tiến H1nh trưng cầu giám định kỹ thuật số đối với các file âm thanh chứa trong USB mà bà Trịnh Thị H giao nộp cho Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc; tiến H1nh thu thập mẫu chữ ký, chữ viết, tiếng nói của Nguyễn Thị N, Nguyễn Hải H2 để trưng cầu giám định chữ viết, âm thanh, kết quả như sau:

Theo Kết luận giám định số 2375/KL-KTHS ngày 21/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

" – Chữ viết, chữ số (trừ các nội dung bị sửa chữa) ở mẫu cần giám định (kí hiệu A1) so với chữ viết, chữ số đứng tên Nguyễn Thị N ở mẫu so sánh (kí hiệu M1 đến M4) do cùng một người viết ra.

- Chữ viết, chữ số (trừ nội dung: "15 ngày") ở mẫu cần giám định (kí hiệu A2) so với chữ viết, chữ số đứng tên Nguyễn Thị N ở mẫu so sánh (kí hiệu M1 đến M4) do cùng một người viết ra.

- Chữ viết, chữ số ở hai mặt (trừ các nội dung: "17/11/20, Lãi mới, 60 ngày và nội dung bị sửa chữa") ở mẫu cần giám định (kí hiệu A3) so với chữ viết, chữ số đứng tên Nguyễn Thị N ở mẫu so sánh (kí hiệu M1 đến M4) do cùng một người viết ra.

- Chữ viết, chũ số và chữ ký đứng tên Nguyễn Thị N ở mẫu cần giám định (kí hiệu A4) so với chữ viết, chữ số và chữ ký đứng tên Nguyễn Thị N ở mẫu so sánh (kí hiệu M1 đến M4) do cùng một người viết và ký ra.

- Chữ viết, chữ số (trừ mục: "04/11/21") ở mẫu cần giám định (kí hiệu A5) so với chữ viết, chữ số đứng tên Nguyễn Hải H2 ở mẫu so sánh (kí hiệu M5 đến M8) do cùng một người viết ra"

Theo Kết luận giám định số 4144/KL-KTHS ngày 04/10/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

" – Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file âm thanh, file video mẫu cần giám định.

- Tiếng nói của người đàn ông trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Hải H2 trong mẫu so sánh là của cùng một người

- Tiếng nói của người phụ nữ xưng "tôi" trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Thị N trong mẫu so sánh là của cùng một người

- Tiếng nói của người phụ nữ xưng "em" trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Trịnh Thị H trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Ngoài việc tiến H1nh trưng cầu giám định, Cơ quan CSĐT còn gửi công văn đến ngân H1ng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Agribank yêu cầu sao kê tài khoản ngân H1ng của Nguyễn Thị N (STK 3508205122070), Nguyễn Hải H2 (STK 3508205035191) để phục vụ điều tra.

Ngày 23/11/2023, bà Trịnh Thị H giao nộp thêm các tài liệu gồm:

+ 01 (một) giấy vay tiền mặt, trên mặt giấy có các chữ, số in, viết tay, ghi ngày 13/01/2020, tại góc bên trái phía trên cùng có số (1);

+ 01 (một) giấy vay tiền, trên mặt giấy có các chữ, số viết tay ghi ngày 23/2/2020, tại góc bên trái phía trên cùng tờ giấy có số (3);

+ 01 (một) giấy vay tiền mặt, trên mặt giấy có các chữ, số in, viết tay ghi ngày 17/11/2020, tại góc bên phải phía trên cùng tờ giấy có ghi số (5);

+ 01 (một) giấy vay tiền mặt, trên mặt giấy có các chữ, số in, viết tay ghi ngày 17/11/2020, tại góc bên phải phía trên cùng tờ giấy ghi số (6);

+ 01 (một) giấy vay tiền, trên mặt giấy có các chữ, số viết tay ghi ngày 27/2/2021, tại góc bên phải phía trên cùng tờ giấy có ghi (9A).

Ngày 26/11/2023, Cơ quan CSĐT khởi tố vụ án Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và tiến H1nh khám xét nơi ở của Nguyễn Thị N nH2 không thu giữ được đồ vật, tài liệu có liên quan đến vụ án.

Theo tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, Nguyễn Thị N đã thực hiện H1nh vi cho vay lãi nặng đối với bà Trịnh Thị H cụ thể như sau:

Giao dịch vay tiền lần thứ nhất, vào ngày 14/01/2020, bà H đến gặp N hỏi vay 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), N đồng ý và cho bà H vay 60.000.000 đồng nH2 tính thêm khoản nợ cũ 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) và yêu cầu bà H viết 02 giấy vay nợ gồm giấy vay nợ 12.000.000 đồng (kí hiệu số (1)) và giấy vay nợ 60.000.000 đồng (kí hiệu số (2)).

Giao dịch vay tiền lần thứ hai, ngày 23/02/2020, bà H đến nH1 hỏi vay N thêm 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), N đồng ý và yêu cầu bà H viết thêm

01 tờ giấy vay tiền (kí hiệu (3)). Đối với khoản vay này, bà H khai báo N chỉ đưa cho bà 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), còn 15.000.000 đồng N tính lãi với khoản vay 72.000.000 đồng trước đó trong 41 ngày với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Tuy nhiên do bị can không thừa nhận tính lãi với khoản vay này, bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh khoản vay này N có thu lãi nên chỉ đủ căn cứ xác định số tiền N cho bà H vay là 102.000.000 đồng theo 03 giấy vay tiền kí hiệu (1), (2), (3) vào các ngày 13/01/2020, 14/01/2020, 23/02/2020.

Giao dịch vay tiền lần thứ ba, vào ngày 21/4/2020, bà H đến gặp N, N tính lãi 4.000đ/1 triệu/ngày với khoản vay 102.000.000 đồng trong 58 ngày là 23.664.000 đồng (hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng) và làm tròn số tiền lãi bà H phải trả là 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng). Bà H trả được 4.000.000 đồng, còn nợ lại 19.000.000 đồng. N cộng số tiền lãi này vào số tiền gốc 102.000.000 đồng để tính lãi kỳ tiếp theo và yêu cầu bà H viết thêm vào giấy vay tiền số (2) nội dung vay thêm 19.000.000 đồng. Đối với khoản vay này, số tiền lãi tối đa mà Bộ luật dân sự quy định là 102.000.000đ x 20% : 365 x 58 ngày = 3.241.643 đồng. Như vậy, N thu lời bất chính số tiền là 23.000.000 đ - 3.241.643 đ = 19.758.356 đ. (Mười chín triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng).

Giao dịch vay tiền lần thứ tư, vào ngày 22/5/2020, N gọi bà H đến nH1 để trả nợ, N tính lãi 4.500đ/1 triệu/ngày đối với khoản tiền 121.000.000 đồng trong 30 ngày là 16.335.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng) và làm tròn số tiền lãi bà H phải trả là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng). Bà H không có tiền trả nên thống nhất để N cộng tiền lãi của kì này vào tiền gốc để tính lãi kì tiếp theo và viết thêm vào giấy vay tiền số (2) nội dung vay thêm 16.000.000 đồng. Đối với khoản vay này, số tiền lãi tối đa Bộ luật dân sự quy định là: 121.000.000 đ x 20% : 365 x 30 ngày = 1.989.041 đồng (một triệu chín trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mốt đồng). Như vậy, N thu lời bất chính số tiền là 16.000.000 đ - 1.989.041 đ = 14.010.959 đồng (Mười bốn triệu không trăm mười nghìn chín trăm năm mươi chín đồng).

Giao dịch vay tiền lần thứ năm, ngày 20/7/2020, N gọi bà H đến nH1 để trả nợ. N tính lãi 4.500đ/1 triệu/ngày đối với khoản tiền 137.000.000 đồng trong 58 ngày là 35.757.000 (ba mươi lăm triệu bảy trăm năm bảy nghìn đồng) và làm tròn số tiền lãi bà H phải trả là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng). Bà H không có tiền trả nên thống nhất để N cộng tiền lãi của kì này vào tiền gốc để tính lãi kì tiếp theo và viết thêm vào mặt sau giấy vay tiền số (1) nội dung vay thêm 35.000.000 đồng. Đối với khoản vay này, số tiền lãi tối đa Bộ luật dân sự quy định là: 137.000.000 đ x 20% : 365 x 58 ngày = 4.353.973 đồng (bốn triệu ba trăm năm ba nghìn chín trăm bảy ba đồng). Như vậy, N thu lời bất chính số tiền là 35.000.000 đ - 4.353.972 đ = 30.646.027 đồng (Ba mươi triệu sáu trăm bốn sáu nghìn không trăm hai bảy đồng).

Giao dịch vay tiền lần thứ sáu, ngày 17/9/2020, N gọi bà H đến nH1 để trả nợ. N tính lãi 4.000đ/1 triệu/ngày đối với số tiền 172.000.000 đồng trong 60 ngày

là 43.600.000 đồng (bốn mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) và làm tròn số tiền lãi bà H phải trả là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Do bà H không có tiền trả nên thống nhất để N cộng lãi của kì này vào tiền gốc để tính lãi kì tiếp theo và gạch tờ giấy vay tiền ký hiệu (1), viết thêm tờ giấy vay tiền ký hiệu (5) với nội dung bà H vay số tiền 87.000.000 đồng. Đối với khoản vay này, số tiền lãi tối đa Bộ luật dân sự quy định là: 172.000.000đ x 20% : 365 x 60 ngày = 5.654.794 đồng (năm triệu sáu trăm năm tư nghìn bảy trăm chín tư đồng). Như vậy, N thu lời bất chính số tiền là 40.000.000 - 5.654.794 = 34.345.205 đồng (ba mươi tư triệu ca trăm bốn lăm nghìn hai trăm lẻ sáu đồng).

Giao dịch vay tiền lần thứ bảy, ngày 17/11/2020, N gọi bà H đến nH1 để trả nợ, N tính lãi 4.000đ/1 triệu/ngày đối với số tiền 212.000.000 đồng trong 60 ngày là 50.880.000 đ (năm mươi triệu tám trăm tám mươi nghìn) và làm tròn số tiền lãi bà H phải trả là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Do bà H không có tiền trả nên thống nhất để N cộng lãi của kì này vào tiền gốc để tính lãi kì tiếp theo và bỏ tờ giấy vay tiền ký hiệu số (5), viết thêm tờ giấy vay tiền số ký hiệu số (6) với nội dung bà H vay 137.000.000 đồng. Đối với khoản vay này, số tiền lãi tối đa Bộ luật dân sự quy định là: 212.000.000 đ x 20% : 365 x 60 ngày = 6.969.863 đ (sáu triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng). Như vậy, N thu lời bất chính 50.000.000 đ - 6.969.863 đ = 43.030.137 đ (bốn mươi ba triệu không trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng).

Giao dịch vay tiền lần thứ tám, ngày 18/12/2020, N gọi bà H đến trả nợ, N tính lãi 4.000đ/1 triệu/ngày với số tiền 262.000.000 đồng trong 30 ngày là 31.440.000 đ (ba mươi mốt triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) và làm tròn số tiền lãi bà H phải trả là 30.000.000 đồng. (ba mươi triệu). Do bà H không có tiền trả nên thống nhất để N cộng lãi của kì này vào tiền gốc để tính lãi kì tiếp theo và N yêu cầu bà H viết thêm vào mặt sau tờ giấy vay tiền ký hiệu số (6) nội dung vay thêm 30.000.000 đồng. Đối với khoản vay này số tiền lãi tối đa Bộ luật dân sự quy định là: 262.000.000 đ x 20% : 365 x 30 ngày = 4.306.849 đồng (bốn triệu ba trăm lẻ sáu nghìn tám trăm bốn chín đồng). Như vậy, N thu lời bất chính số tiền là 30.000.000 - 4.306.849 = 25.693.151 đồng (hai lăm triệu sáu trăm chín ba nghìn một trăm năm mốt đồng).

Giao dịch vay tiền lần thứ chín, ngày 15/01/2021, N gọi bà H đến trả nợ, N tính lãi 3.000đ/1 triệu/ngày với số tiền 292.000.000 đồng trong 30 ngày là 26.280.000đ (ghi trên tờ giấy ký hiệu (8B)). Do bà H không có tiền trả nên thống nhất để N cộng lãi của kì này vào tiền gốc để tính lãi kì tiếp theo và viết thêm giấy vay tiền ký hiệu (8A) nội dung bà H vay thêm 26.280.000 đồng. Đối với khoản vay này, số tiền lãi tối đa Bộ luật dân sự quy định là: 292.000.000 đ x 20% : 365 x 30 ngày = 4.800.000 đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Như vậy, N thu lời bất chính số tiền là 26.280.000 – 4.800.000 = 21.480.000 đồng (hai mươi mốt triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Giao dịch vay tiền lần thứ mười, ngày 27/02/2021, N gọi bà H đến trả nợ, N tính lãi 3.000đ/1 triệu/ngày với số tiền 318.000.000 đồng trong 42 ngày là 40.068.000 đồng (bốn mươi triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng) và làm

tròn số tiền lãi bà H phải trả là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). N bảo bà H đến nH1 bà Nguyễn Thị G (mẹ đẻ của N, sinh năm 1953, trú tại KP HL, thị trấn VL) vay tiền trả cho N, bà H đi cùng bà Trịnh Thị Hải (sinh năm 1976, trú tại KP H1 Lương, thị trấn Vĩnh Lộc) đến nH1 bà Giao vay được 20.000.000 đồng và về nH1 lấy thêm 6.200.000 đồng mang đến trả cho N 26.200.000 đồng (hai sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Lúc này, N và bà H thống nhất bỏ giấy vay tiền ký hiệu 8A (khoản vay 26.280.000 đồng) và tờ giấy vay tiền ký hiệu số (6) (khoản vay tổng 167.000.000 đồng), yêu cầu bà H viết thêm tờ giấy vay tiền mới ký hiệu 9A với nội dung bà H vay 207.000.000 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu đồng) gồm 167.000.000 đồng của giấy vay tiền ký hiệu số (6) và tiền lãi 40.000.000 đồng tính trên tờ giấy ký hiệu 9B. Như vậy, tại thời điểm này bà H nợ của N số tiền được thể hiện trong các tờ giấy vay ký hiệu số (2), (3), (9A), tổng là 95.000.000 đ + 30.000.000 đ + 207.000.000 đ = 332.000.000 đ. Đối với khoản vay này, số tiền lãi tối đa Bộ luật dân sự quy định là: 318.000.000 đ x 20% : 365 x 42 ngày = 7.318.356 đ (bảy triệu ba trăm mười tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng). Như vậy, N thu lợi bất chính số tiền là 40.000.000 đ - 7.318.356 đ = 32.681.643 đồng (ba mươi hai triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng).

Giao dịch vay tiền lần thứ mười một, ngày 27/5/2021, N gọi bà H đến trả nợ, N tính lãi 2.000đ/1 triệu/ngày đối với số tiền 332.000.000 đồng trong 90 ngày là 59.760.000 đồng (năm mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) và làm tròn tiền lãi bà H phải trả là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Bà H trả được 6.000.000 đồng, nợ lại 54.000.000 đồng và thống nhất cộng tiền lãi vào tiền gốc để tính lãi kì tiếp theo, N yêu cầu bà H viết thêm vào tờ giấy nhận tiền ký hiệu 9A nội dung nhận thêm số tiền 54.000.000 đồng. Đối với khoản vay này, số tiền lãi tối đa Bộ luật dân sự quy định là: 332.000.000 đ x 20% : 365 x 90 ngày = 16.372.602 đ (mười sáu triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ hai đồng). Như vậy, Nhung đã thu lợi bất chính số tiền là 60.000.000 - 16.372.602 = 43.627.398 đ (bốn mươi ba triệu sáu trăm hai bảy nghìn ba trăm chín tám đồng).

Giao dịch vay tiền lần thứ mười hai, ngày 04/11/2021, N gọi bà H đến trả nợ. N tính lãi đối với khoản tiền 386.000.000 đồng trong 162 ngày (từ ngày 27/5/2021 đến 04/11/2021) là 45.000.000 đồng <=> 26,26%/năm. Bà H không có tiền trả nên thống nhất cộng tiền lãi vào tiền gốc để tính lãi kì tiếp theo, N nhờ chồng là ông Nguyễn Hải H2 cộng tổng số tiền mà bà H nợ. Ông H2 cộng tiền và ghi vào tờ giấy ký hiệu số (11) tổng số tiền bà H nợ là 431.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi mốt triệu đồng). Bà H đã viết tờ giấy vay tiền mới với số tiền vay của vợ chồng H2 N là 431.000.000 đ, hẹn đến 04/11/2022 sẽ trả cả gốc và lãi. Đối với khoản vay này, số tiền lãi tối đa mà Bộ luật dân sự quy định là 386.000.000 đồng x 20% : 365 x 162 ngày = 32.464.657 đồng (ba mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm năm bảy đồng). Như vậy, N thu lợi bất chính số tiền là 45.000.000 – 34.264.109 = 10.735.891 đồng (mười triệu bảy trăm ba lăm nghìn tám trăm chín mươi mốt đồng).

Giao dịch vay tiền lần thứ mười ba, ngày 14/01/2022, N gọi bà H đến trả nợ, N tính lãi đối với khoản tiền 431.000.000 đồng trong 72 ngày (từ ngày 04/11/2021

đến 14/01/2022) là 40.000.000 đồng <=> 47,05%/năm. Bà H không có tiền trả thì thống nhất viết thêm một giấy hẹn nợ thể hiện nợ vợ chồng H2 N số tiền 40.000.000 đồng. Đối với khoản vay này, số tiền lãi tối đa mà Bộ luật dân sự quy định là 431.000.000 đồng x 20% : 365 x 72 ngày = 17.003.836 đồng (mười bảy triệu không trăm lẻ ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng). Như vậy, N thu lời bất chính số tiền là 40.000.000 – 17.003.835 = 22.996.164 đồng (hai mươi hai triệu chín trăm chín sáu nghìn một trăm sáu tư đồng).

Đến ngày 22/6/2022, vợ chồng Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hải H2 gửi đơn khởi kiện bà Trịnh Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc buộc bà H phải trả cho vợ chồng N, H2 số tiền 471.000.000 đồng. Sau đó, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc đã có công văn đề nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Lộc xác minh, làm rõ H1nh vi có dấu hiệu của tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Nguyễn Thị N và Nguyễn Hải H2 như đã nêu.

Từ ngày 13/01/2020 đến ngày 08/12/2023 (ngày khởi tố bị can), giữa Nguyễn Thị N và bà Trịnh Thị H đã giao kết 13 giao dịch vay tiền với số tiền gốc N sử dụng để cho vay là 102.000.000 đồng. Trong các giao dịch vay tiền từ ngày 13/01/2020 đến ngày 14/01/2022 với lãi suất từ 26,26%/năm đến 164,3%/năm, có 04 giao dịch đủ yếu tố cấu tH1nh tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là các giao dịch vào các ngày 20/7/2020, 17/9/2020, 17/11/2020, 27/02/2021, các giao dịch còn lại không đủ yếu tố cấu tH1nh tội phạm mà vi phạm quy định tại điểm d khoản 4 Điều 12 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm H1nh chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình, nH2 tính đến này khởi tố bị can (08/12/2023) đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm H1nh chính đối với các H1nh vi này nên không xem xét xử lý. Như vậy, với 04 giao dịch vào các ngày 20/7/2020, 17/9/2020, 17/11/2020, 27/02/2021, N tính lãi suất từ 3000đ, 4000đ, 4.500đ/1 triệu/ngày (tương ứng với 109,5%/năm, 146%/năm, 164,3%/năm), cao gấp 5,5 lần đến 8,2 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự thu lợi bất chính của bà Trịnh Thị H số tiền 140.703.012 đồng (một trăm bốn mươi triệu bảy trăm lẻ ba nghìn không trăm mười hai đồng).

Bà Trịnh Thị H giao nộp sao kê tài khoản ngân H1ng LP Bank số tài khoản 14427610001 và sao kê tài khoản ngân H1ng BIDV số tài khoản 5050442805. Nội dung các sao kê thể hiện quá trình vay tiền của Nguyễn Thị N, bà Trịnh Thị H đã chuyển khoản đến tài khoản số 3508205122070 thuộc ngân H1ng Agribank của Nguyễn Thị N số tiền là 52.594.500 đ (Năm mươi hai triệu năm trăm chín mươi tư nghìn năm trăm đồng) để trả lãi cho N; Ngoài ra, bà H khai báo đã trả cho N 60.200.000 đồng (Sáu mươi triệu hai trăm nghìn đồng) tiền mặt gồm 50.000.000 đồng vay của bà Nguyễn Thị Giao 02 lần, một lần 20.000.000 đồng vào ngày 27/02/2021, lần còn lại bà H không nhớ ngày vay và 10.200.000 đồng tiền cá nhân của bà H trả vào ngày 21/4/2020 và ngày 27/02/2021. Theo lời khai của bà H, N yêu cầu bà chuyển khoản tiền lãi để trả lãi cho khoản vay 50.000.000 đồng của bà Giao và trên thực tế, N không trừ số tiền bà H chuyển khoản vào tiền lãi mỗi lần

chốt nợ mà bà H không có ý kiến gì, ngoài ra, số tiền bà H chuyển khoản chỉ có 04 giao dịch vào các ngày 24/3/2021, 19/4/2021, 08/5/2021, 26/5/2021 với tổng số tiền 8.994.500 đồng được thực hiện trước ngày N hạ lãi suất xuống 2.000 đồng/1 triệu/ngày. Ngoài ra, đối với số tiền 30.000.000 đồng bà H khai vay của bà Giao tuy nhiên bà H không nhớ ngày vay, không nhớ ngày trả nợ cho N, khi chốt nợ N không trừ khoản tiền này mà bà H không có ý kiến gì. Do đó chỉ đủ căn cứ xác định bà H đã trả cho N số tiền 30.200.000 đồng tiền lãi khi thực hiện khoản vay với lãi suất từ 3.000đ/1 triệu/ngày. Đối với số tiền 4.000.000 đồng bà H trả cho N ngày 21/4/2020, do giao dịch này không đủ yếu tố cấu tH1nh tội phạm và đã hết thời hiệu xử lý vi phạm H1nh chính nên không xem xét xử lý trách nhiệm đối với N, do đó số tiền này không xác định là số tiền thu lợi bất chính trong vụ án.

Mở rộng điều tra vụ án, ngày 08/12/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Lộc ban H1nh thông báo số 685/TB-CSĐT về việc truy tìm người vay tiền của Nguyễn Thị N. Kết quả, ngày 23/3/2024, chị Trần Thị H1 (sinh năm 1987, trú tại KP Giáng, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc) đến Cơ quan CSĐT giao nộp 106 hình ảnh chụp màn hình đoạn hội thoại giữa chị và Nguyễn Thị N qua ứng dụng Facebook Messenger thể hiện từ ngày 24/10/2022 đến 27/7/2023, chị có vay của Nguyễn Thị N 05 khoản vay với lãi suất cho vay từ 3.000đ đến 5.000đ/1triệu/1ngày tương ứng với lãi suất 109,5%/năm đến 182,5%/năm, cao gấp 5,5 lần đến 9,1 lần lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự quy định, cụ thể các khoản vay như sau:

Giao dịch vay tiền lần thứ nhất, ngày 24/10/2022, chị H1 vay của N 20.000.000 đồng, lãi suất 3.000đ/1 triệu/ngày. Từ ngày 24/10/2022 đến 06/9/2023, chị H1 đã phải trả cho N 18.230.000 đồng tiền lãi cho 318 ngày vay. Đối với khoản vay này, số tiền lãi tối đa mà Bộ luật dân sự quy định là 20.000.000 đồng x 20% : 365 x 318 ngày = 3.484.931 đồng (ba triệu bốn trăm tám tư nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng). Như vậy, N thu lời bất chính số tiền là 18.230.000 – 3.484.931 = 14.745.069 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm bốn lăm nghìn không trăm sáu mươi chín đồng).

Giao dịch vay tiền lần thứ hai, ngày 02/11/2022, chị H1 vay N số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 3.000đ/1 triệu/ngày. Từ ngày 02/11/2022 đến ngày 30/8/2023, chị H1 đã phải trả cho N 13.860.000 đồng tiền lãi cho 302 ngày vay. Đối với khoản vay này, số tiền lãi tối đa mà Bộ luật dân sự quy định là 15.000.000 đồng x 20% : 365 x 302 ngày = 2.482.192 đồng (hai triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín hai đồng). Như vậy, N thu lợi bất chính số tiền là 11.377.808 đồng (mười một triệu ba trăm bảy bảy nghìn tám trăm linh tám đồng).

Giao dịch vay tiền lần thứ ba, ngày 31/12/2022, chị H1 vay N số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Từ ngày 31/12/2022 đến ngày 17/4/2023, chị H1 đã phải trả cho cho N số tiền 20.438.671 đồng (gồm 15.000.000 đồng gốc và 5.438.671 đồng tiền lãi) cho 108 ngày vay. Đối với khoản vay này, số tiền lãi tối đa mà Bộ luật dân sự quy định là 15.000.000 đồng x 20% : 365 x 108 ngày = 887.671 đồng (tám trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mốt đồng). Như

vậy, N thu lợi bất chính số tiền là 5.438.671 – 887.671 = 4.551.000 đồng (bốn triệu năm trăm năm mươi mốt nghìn đồng).

Giao dịch vay tiền lần thứ tư, ngày 12/5/2023, chị H1 vay của N số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 3000đ/1 triệu/ngày. Từ ngày 12/5/2023 đến ngày 03/7/2023, chị H1 phải trả cho N số tiền 4.590.000 đồng tiền lãi cho 53 ngày vay. Đối với khoản vay này, số tiền lãi tối đa mà Bộ luật dân sự quy định là 30.000.000 x 20% : 365 x 53 = 871.233 đồng (tám trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi ba đồng). Như vậy, N thu lợi bất chính số tiền là 4.590.000 - 871.233 = 3.718.767 đồng (ba triệu bảy trăm mười tám nghìn bảy trăm sáu bảy đồng).

Giao dịch vay tiền lần thứ năm, ngày 27/7/2023, chị H1 vay N số tiền 20.000.000 đồng, N tính lãi 4.500đ/1 triệu/ngày và thu trước lãi của 30 ngày là 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) và chỉ chuyển khoản cho chị H1 số tiền là 17.300.000 đồng (Mười bảy triệu ba trăm nghìn đồng). Đối với khoản vay này, số tiền lãi tối đa mà Bộ luật dân sự quy định là 20.000.000 x 20% : 365 x 30 ngày = 328.767 đồng (ba trăm hai tám nghìn bảy trăm sáu bảy đồng). Như vậy, N thu lời bất chính số tiền là 2.700.000 – 328.767 = 2.371.233 đồng (hai triệu ba trăm bảy mốt nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

Như vậy, N đã sử dụng 85.000.000 đồng tiền gốc để cho chị Trần Thị H1 vay, trong quá trình vay các khoản tiền trên của N, chị H1 đã phải trả cho N tổng số tiền là 59.818.671 đồng gồm 44.818.671 đồng tiền lãi và 15.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền mà thu lời bất chính được từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với chị H1 là 36.763.876 đồng (ba sáu triệu bảy trăm sáu ba nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng).

Ngoài các khoản vay trên với lãi suất gấp 5 lần lãi suất quy định của Bộ luật dân sự, ngày 06/01/2023, chị H1 còn vay của N số tiền 5.000.000 đồng, N tính lãi 1.000.000 đồng cho 127 ngày vay <=> lãi suất là 57.48%/năm. Đối với khoản vay này, tiền lãi suất tối đa mà Bộ luật dân sự quy định là 347.945 đồng (ba trăm bốn bảy nghìn chín trăm bốn lăm đồng). Như vậy, N thu lời bất chính số tiền là 1.000.000 – 347.945 = 652.055 đồng (sáu trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng).

Đối với H1nh vi của ông Nguyễn Hải H2, qua điều tra xác định ông Nguyễn Hải H2 không biết việc Nguyễn Thị N cho bà Trịnh Thị H, chị Trần Thị H1 vay với lãi suất bao nhiêu, cách tính lãi như thế nào nên không đủ căn cứ xử lý ông H2 với vai trò đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Thị N về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Vật chứng của vụ án:

- Số tiền 102.000.000 đồng (Một trăm lẻ hai triệu đồng) bị cáo sử dụng cho bà Trịnh Thị H vay là phương tiện phạm tội, đến nay bà H chưa giao nộp.

- Số tiền 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng) bị cáo sử dụng cho chị Trần Thị H1 vay là phương tiện phạm tội, chị H1 đã trả cho bị cáo 45.000.000 đồng bị cáo đã nộp đủ. Số tiền còn lại là 40.000.000 đồng hiện chị H1 chưa giao nộp.

- Số tiền 26.200.000 đồng (hai sáu triệu hai trăm nghìn đồng) bị cáo nhận tiền lãi từ bà Trịnh Thị H là khoản tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có, bị cáo đã trả cho bà H và nộp khắc phục hậu quả đầy đủ.

- Số tiền 44.818.671 đồng (bốn mươi bốn triệu tám trăm mười tám nghìn sáu trăm bảy mốt đồng) bị cáo nhận tiền lãi từ chị H1 là khoản tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có, bị cáo đã trả cho chị H1 và nộp khắc phục hậu quả đầy đủ.

- 01 (một) điện thoại di động bị cáo sử dụng để thực hiện H1nh vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự hiện chưa thu giữ được.

- Các đồ vật, tài liệu hiện đang được lưu trong hồ sơ vụ án gồm:

+ 01 USB; 05 tờ giấy, 01 đơn đề nghị do bà Trịnh Thị H giao nộp cho Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc.

+ 01 (một) giấy vay tiền mặt, trên mặt giấy có các chữ, số in, viết tay, ghi ngày 13/01/2020, tại góc bên trái phía trên cùng có số (1);

+ 01 (một) giấy vay tiền, trên mặt giấy có các chữ, số viết tay ghi ngày 23/2/2020, tại góc bên trái phía trên cùng tờ giấy có số (3);

+ 01 (một) giấy vay tiền mặt, trên mặt giấy có các chữ, số in, viết tay ghi ngày 17/11/2020, tại góc bên phải phía trên cùng tờ giấy có ghi số (5);

+ 01 (một) giấy vay tiền mặt, trên mặt giấy có các chữ, số in, viết tay ghi ngày 17/11/2020, tại góc bên phải phía trên cùng tờ giấy ghi số (6);

+ 01 (một) giấy vay tiền, trên mặt giấy có các chữ, số viết tay ghi ngày 27/2/2021, tại góc bên phải phía trên cùng tờ giấy có ghi (9A).

+ 01 (một) giấy hẹn nợ (bản photocoppy), 01 giấy vay tiền (bản photocoppy) Nguyễn Hải H2 giao nộp

+ 106 (một lẻ sáu) tờ giấy A4 chị Trần Thị H1 trích xuất tin nhắn với Nguyễn Thị N

Về vấn đề dân sự:

Bị cáo đã trả lại cho bà Trịnh Thị H số tiền lãi vượt quá lãi suất tối đa mà Bộ luật dân sự quy định là 13.904.110 đồng (Mười ba triệu chín trăm lẻ tư nghìn một trăm mười đồng)

Bị cáo đã trả lại cho chị Trần Thị H1 số tiền lãi vượt quá lãi suất tối đa mà Bộ luật dân sự quy định là 36.763.876 đồng (Ba mươi sáu triệu bảy trăm sáu ba nghìn tám trăm bảy sáu đồng).

Tại bản Cáo trạng số: 18/CT-VKSVL ngày 22/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo: Nguyễn Thị N về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo khoản 2 Điều 201 của BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị mức hình phạt đối với Nguyễn Thị N như sau:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 12 tháng đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS phạt tiền bị cáo N từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS, đề nghị HĐXX tuyên:

- Truy thu số tiền bị cáo N sử dụng để cho vay lãi cao người vay đã trả để nộp vào ngân sách nH1 nước là: 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

- Truy thu số tiền bị cáo N sử dụng để cho vay lãi cao người vay chưa trả gồm:

+ Truy thu bà Trịnh Thị H số tiền là 102.000.000đồng.

+ Truy thu chị Trần Thị H1 số tiền là 40.000.000đồng.

- Truy thu số tiền lãi phát sinh mà bị cáo được hưởng lợi bất chính nộp ngân sách NH1 nước là 20.350.685đồng. Bị cáo đã nộp khắc phục được 100.000.000 đồng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về vật chứng vụ án, về án phí theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của người bào chữa của bị cáo:

Đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo tH1nh khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đầy đủ số tiền thu vượt quá quy định của pháp luật. Bố mẹ bị cáo là người có công với cách mạng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Trước khi phạm tội bản thân và gia đình bị cáo luôn chấp H1nh tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của NH1 nước. Bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự. Bản thân bị cáo thường xuyên bị ốm đau bệnh tật. Vì vậy đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật và xử bị cáo hình phạt thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo, người bào chữa không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận H1nh vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về H1nh vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Lộc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về H1nh vi, Quyết định của Cơ quan tiến H1nh tố tụng, người tiến H1nh tố tụng. Do đó, các H1nh vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến H1nh tố tụng, người tiến H1nh tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thị N đã khai nhận toàn bộ H1nh vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập đư-

ợc có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và vật chứng thu giữ được đủ sơ sở kết luận:: Từ ngày 14/01/2020 đến ngày 08/12/2023, Nguyễn Thị N đã sử dụng số tiền 187.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu đồng) để thực hiện H1nh vi cho vay lãi nặng nhiều lần đối với 02 (hai) người nhằm thu lợi bất chính số tiền là 177.466.888 đồng, trong đó có 04 lần đủ yếu tố cấu tH1nh tội phạm, cụ thể như sau: Sử dụng số tiền 102.000.000 đồng cho bà Trịnh Thị H vay 08 (tám) lần với lãi suất từ 3000đ đến 5000đ/1 triệu/1 ngày tương đương với lãi suất 109,5%/năm đến 182,5%/năm, cao gấp 5,5 lần đến 9,1 lần lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự quy định. Tuy nhiên, do các giao dịch vào các ngày 21/4/2020, 22/5/2020, 18/12/2020, 15/01/2021 bị cáo thu lợi dưới 30.000.000 đồng, chưa đủ yếu tố cấu tH1nh tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và thời hiệu xử lý vi phạm H1nh chính đối với H1nh vi này đã hết nên chỉ xử lý bị cáo đối với 04 (bốn) lần cho vay thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng vào các ngày 20/7/2020, 17/9/2020, 17/11/2020, 27/02/2021. Như vậy, số tiền bị cáo thu lời bất chính để xử lý trách nhiệm hình sự trong các giao dịch cho vay lãi nặng đối với bà Trịnh Thị H là 140.703.012 đồng (Một trăm bốn mươi triệu bảy trăm lẻ ba nghìn không trăm mười hai đồng). Đối với 04 (bốn) khoản vay nêu trên, số tiền lãi tối đa mà Bộ luật dân sự quy định cho tổng 220 (hai trăm hai mươi) ngày vay của khoản vay 102.000.000 đồng là 12.295.890 đồng (Mười hai triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng), số tiền lãi bị cáo đã thu từ bà Trịnh Thị H là 26.200.000 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

Sử dụng số tiền 85.000.000 đồng cho chị Trần Thị H1 vay 05 (năm) lần với lãi suất từ 3.000đ đến 5000đ/1 triệu/ngày tương đương với lãi suất 109,5%/năm đến 182,5%/năm, cao gấp 5,5 lần đến 9,1 lần lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự quy định thu được 44.818.671 đồng (Bốn mươi bốn triệu tám trăm mười tám nghìn sáu trăm bảy mốt đồng) tiền lãi. Số tiền lãi tối đa mà Bộ luật dân sự quy định đối với 05 khoản vay trên là 8.054.795 đồng (tám triệu không trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm chín lăm đồng). Như vậy bị cáo đã thu lợi bất chính của chị Trần Thị H1 số tiền là 36.763.876 đồng (Ba mươi sáu triệu bảy trăm sáu ba nghìn tám trăm bảy sáu đồng).

H1nh vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị N đã phạm vào tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ H1nh vi của vụ án:

H1nh vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nH2 nguy hiểm cho xã hội. H1nh vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của NH1 nước trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trị an xã hội. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo bằng một mức án nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo bị cáo trở tH1nh một công dân tốt, có ích cho xã hội đồng thời mang tính giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa bị cáo tH1nh khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tích cực, chủ động, tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả trả lại đầy đủ số tiền lãi vượt quá quy định cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) vào Chi cục thi H1nh án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa để nộp vào ngân sách nH1 nước. Bố mẹ bị cáo là người có công với cách mạng. Gia đình bị cáo tích cực đóng góp phong trào văn hóa xã hội và nông thôn mới cho địa phương nơi bị cáo cư trú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Xét nhân thân bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo thực sự có thái độ ăn năn hối cải đối với H1nh vi phạm tội của mình. Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Trước khi phạm tội có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở tH1nh người có ích cho xã hội là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 65 BLHS.

[6] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS phạt bổ sung 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) đối với Nguyễn Thị N là phù hợp.

[7] Về biện pháp tư pháp:

- Về số tiền gốc để truy thu: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Số tiền gốc bị cáo N đã sử dụng cho bà H và chị H1 vay lấy lãi cao là 187.000.000đồng, đây là phương tiện, công cụ phạm tội cần tịch thu nộp vào ngân sách nH1 nước là phù hợp. Trong đó: Số tiền 102.000.000 đồng (Một trăm linh hai triệu đồng), bà H chưa trả cho N. Nên truy thu bà H để nộp vào ngân sách nH1 nước số tiền 102.000.000 đồng (Một trăm lẻ hai triệu đồng). Số tiền 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng) bị cáo sử dụng cho chị Trần Thị H1 vay, chị H1 đã trả cho bị cáo 45.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng, hiện nay chị H1 chưa giao nộp nên truy thu chị H1 để nộp vào ngân sách nH1 nước số tiền 40.000.000 đồng. Truy thu bị cáo số tiền gốc chị H1 đã trả cho bị cáo là 45.000.000 đồng là phù hợp.

- Đối với số tiền lãi bị cáo đã thu từ người vay tương ứng với mức lãi suất tối đa theo quy định (20%/năm), cụ thể: Bị cáo thu của bà H số tiền là 12.295.890 đồng, thu của chị H1 8.054.795 đồng. Xác định đây số là tiền bị cáo được hưởng lợi do phạm tội mà có nên cần truy thu nộp ngân sách NH1 nước. Như vậy, tổng cộng số tiền cần truy thu của bị cáo nộp ngân sách NH1 nước là: 65.350.685 đồng. Ngày 09/5/2024 bị cáo đã tự nguyện nộp tiền sung công quỹ NH1 nước khắc phục hậu quả số tiền 100.000.000đồng được trừ đi số tiền bị cáo phải truy thu nộp ngân sách nH1 nước.

- Đối với khoản tiền lãi bị cáo thu vượt quá mức lãi suất tối đa 20%/năm theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự mà bị cáo thu thực tế của người vay. Đây là tiền bị cáo thu lãi suất trái pháp luật của người vay nên bị cáo phải trả lại cho người vay. Qúa trình giải quyết vụ án, bị cáo đã tự nguyện trả lại số tiền lãi vượt quá quy định cho những người vay bà Trịnh Thị H là 13.904.110 đồng (Mười ba triệu chín trăm lẻ tư nghìn một trăm mười đồng), chị Trần Thị H1 số tiền là 36.763.876 đồng (Ba mươi sáu triệu bảy trăm sáu ba nghìn tám trăm bảy sáu đồng). Bà H, chị H1 đã nhận được đầy đủ tiền do bị cáo Nguyễn Thị N thanh toán và không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xét.

[8] Về các vấn đề khác: Bà Trịnh Thị H giao nộp sao kê tài khoản ngân H1ng LP Bank số tài khoản 14427610001 và sao kê tài khoản ngân H1ng BIDV số tài khoản 5050442805. Nội dung các sao kê thể hiện quá trình vay tiền của Nguyễn Thị N, bà Trịnh Thị H đã chuyển khoản đến tài khoản số 3508205122070 thuộc ngân H1ng Agribank của Nguyễn Thị N số tiền là 52.594.500 đồng (năm mươi hai triệu năm trăm chín mươi tư nghìn năm trăm đồng) để trả lãi cho N; Ngoài ra, bà H khai báo đã trả cho N 60.200.000 đồng (sáu mươi triệu hai trăm nghìn đồng) tiền mặt gồm 50.000.000 đồng vay của bà Nguyễn Thị Giao 02 lần, một lần 20.000.000 đồng vào ngày 27/02/2021, lần còn lại bà H không nhớ ngày vay và 10.200.000 đồng tiền cá nhân của bà H trả vào ngày 21/4/2020 và ngày 27/02/2021. Theo lời khai của bà H, N yêu cầu bà chuyển khoản tiền lãi để trả lãi cho khoản vay 50.000.000 đồng của bà Giao và trên thực tế, N không trừ số tiền bà H chuyển khoản vào tiền lãi mỗi lần chốt nợ mà bà H không có ý kiến gì. Ngoài ra, số tiền bà H chuyển khoản chỉ có 04 giao dịch vào các ngày 24/3/2021, 19/4/2021, 08/5/2021, 26/5/2021 với tổng số tiền 8.994.500 đồng được thực hiện trước ngày N hạ lãi suất xuống 2.000 đồng/1 triệu/ngày. Đối với số tiền 30.000.000 đồng bà H khai vay của bà Giao, tuy nhiên bà H không nhớ ngày vay, không nhớ ngày trả nợ cho N, khi chốt nợ N không trừ khoản tiền này mà bà H không có ý kiến gì. Do đó chỉ đủ căn cứ xác định bà H đã trả cho N số tiền 30.200.000 đồng tiền lãi khi thực hiện khoản vay với lãi suất từ 3.000đ/1 triệu/ngày. Đối với số tiền 4.000.000 đồng bà H trả cho N ngày 21/4/2020, do giao dịch này không đủ yếu tố cấu tH1nh tội phạm và đã hết thời hiệu xử lý vi phạm H1nh chính nên không xem xét xử lý trách nhiệm đối với N, do đó số tiền này không xác định là số tiền thu lợi bất chính trong vụ án.

Đối với H1nh vi của ông Nguyễn Hải H2, qua điều tra xác định ông Nguyễn Hải H2 không biết việc Nguyễn Thị N cho bà Trịnh Thị H, chị Trần Thị H1 vay với lãi suất bao nhiêu, cách tính lãi như thế nào nên không đủ căn cứ xử lý ông H2 với vai trò đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Thị N về tội: " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

[9] Về xử lý vật chứng:

- Các đồ vật, tài liệu hiện đang được lưu trong hồ sơ vụ án gồm:

+ 01 USB; 05 tờ giấy, 01 đơn đề nghị do bà Trịnh Thị H giao nộp cho Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc.

+ 01 (một) giấy vay tiền mặt, trên mặt giấy có các chữ, số in, viết tay, ghi ngày 13/01/2020, tại góc bên trái phía trên cùng có số (1);

+ 01 (một) giấy vay tiền, trên mặt giấy có các chữ, số viết tay ghi ngày 23/2/2020, tại góc bên trái phía trên cùng tờ giấy có số (3);

+ 01 (một) giấy vay tiền mặt, trên mặt giấy có các chữ, số in, viết tay ghi ngày 17/11/2020, tại góc bên phải phía trên cùng tờ giấy có ghi số (5);

+ 01 (một) giấy vay tiền mặt, trên mặt giấy có các chữ, số in, viết tay ghi ngày 17/11/2020, tại góc bên phải phía trên cùng tờ giấy ghi số (6);

+ 01 (một) giấy vay tiền, trên mặt giấy có các chữ, số viết tay ghi ngày 27/2/2021, tại góc bên phải phía trên cùng tờ giấy có ghi (9A).

+ 01 (một) giấy hẹn nợ (bản photocoppy), 01 giấy vay tiền (bản photocoppy) Nguyễn Hải H2 giao nộp.

+ 106 (một lẻ sáu) tờ giấy A4 chị Trần Thị H1 trích xuất tin nhắn với Nguyễn Thị N. Các tài liệu chứng cứ nêu trên hiện đang được lưu giữ tại hồ sơ vụ án, vì vậy tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38, Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Nguyễn Thị N phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*"

Xử phạt: Nguyễn Thị N 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng. Thời hạn thi H1nh án tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/6/2024).

Giao Nguyễn Thị N cho UBND thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp trong thời gian thử thách bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 Luật thi H1nh án hình sự.

Người được hưởng án treo có thể bị Tòa án buộc chấp H1nh hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo nếu trong thời gian thử thách mà cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại điều 87 Luật Thi H1nh án hình sự từ hai lần trở lên. Trường hợp thực hiện H1nh vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp H1nh hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại điều 56 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS.

Phạt bổ sung đối với Nguyễn Thị N số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS.

- Truy thu số tiền bị cáo N sử dụng để cho vay lãi cao người vay đã trả để nộp vào ngân sách nH1 nước là: 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

- Truy thu số tiền bị cáo N sử dụng để cho vay lãi cao người vay chưa trả gồm:

+ Truy thu bà Trịnh Thị H số tiền là 102.000.000đồng.

+ Truy thu chị Trần Thị H1 số tiền là 40.000.000đồng.

- Truy thu số tiền lãi theo mức lãi suất 20%/ năm được quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của những người vay là 20.350.685đồng.

Tổng số tiền bị cáo N bị truy thu nộp ngân sách nH1 nước gồm: Tiền N dùng để cho vay là phương tiện phạm tội là: 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) + Tiền lãi theo mức lãi suất 20%/ năm được quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của những người vay là 20.350.685đồng + tiền phạt bổ sung: 30.000.000 đồng = 95.350.685 đồng (Chín mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng). Bị cáo đã nộp số tiền 100.000.000 đồng (Theo Biên lai thu tiền số 0002755 ngày 09/5/2024 của Chi cục thi H1nh án Dân sự huyện Vĩnh Lộc). Trả lại cho bị cáo số tiền nộp còn thừa là: 4.649.315 đồng (Bốn triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng).

- Về xử lý vật chứng:

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án+ 01 USB; 05 tờ giấy, 01 đơn đề nghị do bà Trịnh Thị H giao nộp cho Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc.

+ 01 (một) giấy vay tiền mặt, trên mặt giấy có các chữ, số in, viết tay, ghi ngày 13/01/2020, tại góc bên trái phía trên cùng có số (1);

+ 01 (một) giấy vay tiền, trên mặt giấy có các chữ, số viết tay ghi ngày 23/2/2020, tại góc bên trái phía trên cùng tờ giấy có số (3);

+ 01 (một) giấy vay tiền mặt, trên mặt giấy có các chữ, số in, viết tay ghi ngày 17/11/2020, tại góc bên phải phía trên cùng tờ giấy có ghi số (5);

+ 01 (một) giấy vay tiền mặt, trên mặt giấy có các chữ, số in, viết tay ghi ngày 17/11/2020, tại góc bên phải phía trên cùng tờ giấy ghi số (6);

+ 01 (một) giấy vay tiền, trên mặt giấy có các chữ, số viết tay ghi ngày 27/2/2021, tại góc bên phải phía trên cùng tờ giấy có ghi (9A).

+ 01 (một) giấy hẹn nợ (bản photocoppy), 01 giấy vay tiền (bản photocoppy) Nguyễn Hải H2 giao nộp.

+ 106 (một lẻ sáu) tờ giấy A4 chị Trần Thị H1 trích xuất tin nhắn với Nguyễn Thị N.

- Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc Nguyễn Thị N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Công an huyện Vĩnh Lộc;
- Chị cục THA DS huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người có QLvà NV liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Tuyết